TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/DS-PT
Ngày: 27 - 3- 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54 /2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 2 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Bích D, sinh năm 1953

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Chị Phạm Kim C1, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2017) (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Tạm trú: Phường 6, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn Thải, sinh năm 1948; (Vắng mặt)

2. Bà Tạ Thị H2, sinh năm 1951; (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Tạ Thị H2 (văn bản ủy quyền ngày 02/01/2018). (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Thanh V, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

3. Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

4. Anh Phạm Vũ L, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà T2, anh S, anh L : Bà Tạ Thị H2 (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

5. Anh Phạm Tấn T3, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

6. Chị Lê Thanh T4, sinh năm 1991; (Vắng mặt)

7. Chị Phạm Kim C1, sinh năm 1984; (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

Tạm trú: Phường 6, thành phố C, tỉnh C.

8. Chị Phạm Kiều Như Ý, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ý: Chị Phạm Kim C1 (văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018)

9. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đầm Dơi;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng Nam – Giám đốc Chi nhánh huyện Đầm Dơi (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đi, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Cao Thị Bích D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Phạm Kim C1 là người đại diện theo ủy quyền của bà D, chị Như Ý cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vào năm 1980 bà Cao Thị Bích D và chồng tên Phạm Thanh Hồng (đã chết năm 1996) được cha mẹ chồng cho diện tích đất ruộng cùng với ông Phạm Hoàng Em, ông Phạm Hoàng Tám mỗi người 05 công, ngoài phần đất trên ra thì ông Hồng, ông Hoàng Em, ông Hoàng Tám còn được cha mẹ cho thêm phần đất mặt tiền không xác định diện tích bao nhiêu để xây dựng nhà. Tuy nhiên khi được cho đất thì ông Hoàng Em và ông Hoàng Tám không trực tiếp sử dụng mà giao lại toàn bộ cho ông Hồng sử dụng, cùng thời điểm này ông Hồng có xây dựng một căn nhà bằng cây gỗ địa phương để ở, sau đó ông Hồng mua thêm phần đất khác nên ông đã để lại cho ông Hoàng Tám sử dụng nhưng không nhớ thời gian nào. Đến năm 1993 khi chuyển dịch cơ cấu từ trồng lúa sang nuôi tôm ông Hoàng Em có tiến hành xây dựng cái chồi dùng để trông giữ vuông. Do phần đất bà D, ông Hồng được cho nằm phía sau hậu đất ông T1, bà H2 nên không có đường thoát nước ra Sông lô 14, vì vậy ông Hồng cùng ông Hoàng Em lấy con kênh ngang 03m chạy dài từ mé sông đến hậu đất vườn giáp với phần đất ông T1 cùng 01 líp dừa ăn trái

để đổi lấy phần kênh dưới nước ngang 1,5m (theo đo đạc thực tế diện tích 372,7m^2) phần còn lại thì giao cho ông Hoàng Tám sử dụng. Khi đổi đất giữa ông Hồng và ông Hoàng Em với ông T1 không làm văn bản giao nhận đất, nhưng có ông Hoàng Tám, ông Hoàng Em chứng kiến. Cũng thời điểm này ông Hồng có chuyển nhượng của bà Vân một phần đất (con kênh) liền kề với phần kênh đổi của ông T1 (theo đo đạc thực tế có diện tích chung là 374,8m^2) khi chuyển nhượng có làm biên bản giấy sang đổi đường xổ đứng tên giữa bà Cao Thị Bích D với ông Phạm Văn Đằng và sử dụng cho đến khi ông Hồng qua đời thì bà D tiếp tục sử dụng cho đến nay. Đối với phần đất hiện bà D xây dựng nhà ở kiên cố là do năm 1996 ông Hoàng Em bán lại cái chồi cho bà D để đi nơi khác làm ăn với giá 04 chỉ vàng 24k nhưng trên thực tế bà D có trả vàng cho ông Hoàng Em hay không thì chị C1 không biết, đến năm 2000 bà D tiến hành xây dựng căn nhà kiên cố trên phần đất được cha mẹ cho ở cho đến nay. Ngoài ra, chị C1 xác định diện tích đất nền nhà bà D sử dụng là đất biền lá được cha mẹ ông Hồng cho chung các con, ai cần thì sử dụng chứ không cho riêng ai.

Mặt khác, chị C1 còn xác định trong quá trình bà D sử dụng đất cho đến nay không có tranh chấp, nhưng do hiện nay bà D tuổi đã cao, không còn canh tác phần đất trên được nữa nên muốn cho thuê hay chuyển nhượng để đi nơi khác sống thì ông T1, bà H2 ngăn cản không cho với lý do đường xổ nước là do ông T1, bà H2 cho mượn, còn nền nhà hiện bà D đang ở là của phụ ấm cha mẹ để lại ai cần thì sử dụng không được sang bán.

Chị C1 cho rằng phần đất đường xổ nước ông T1 đã đổi đất với ông Hồng, phần đất nền nhà là của phụ ấm, nên ông T1 không được quyền sở hữu riêng vì vậy yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1.

Riêng đối với phần đất chuyển nhượng của ông Hồng đối với bà Vân theo biên bản thẩm định tại chỗ, giữa bà Vân với bà D cùng thống nhất diện tích chuyển nhượng không xảy ra tranh chấp nên bà D không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những lý do nêu trên, đại diện theo ủy quyền của bà D yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận đường xổ nước có diện tích theo đo đạc thực tế 372,7m^2, diện tích đất nền nhà theo đo đạc thực tế là 305,6m^2 là của bà Cao Thị Bích D .

Bà Tạ Thị H2 là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn Thải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Vũ, Nguyễn Thị T2, Phạm Thanh S, phạm Vũ Linh trình bày:

Việc bà Cao Thị Bích D yêu cầu Tòa án công nhận đường xổ nước có diện tích 372,7m^2 và diện tích đất nền nhà 305,6m^2 theo đo đạc ngày 16/01/2017 là của bà Cao Thị Bich D, bà H2 không đồng ý. Bởi lẽ, giữa ông Phạm Văn Thải với ông Hồng và bà D hoàn toàn không có việc đổi đất như chị C1 trình bày, còn việc chị C1 cho rằng ông Hồng cùng ông Hoàng Em lấy con kênh ngang 03m từ mé sông đến hậu đất vườn giáp với phần đất ông T1, ông Hoàng Tám lấy 01 líp cây ăn trái để đổi lấy phần kênh dưới nước ngang 1,5m theo đo đạc thực tế diện tích 372,7m^2 là sai sự thật không có căn cứ. Kể từ khi chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản thì vợ chồng bà không có lấy bất cứ phần đất đổi nào từ ông Hồng, ông

Hoàng Tám và ông Hoàng Em. Mặt khác, bà H2 xác định đối với phần đất tranh chấp là đường xổ nước có diện tích 372,7m^2 và diện tích đất nền nhà 305,6m^2 ông Phạm Văn Thải đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng đất vào năm 1990, hiện tại quyền sử dụng đất ông T1 đã thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đầm Dơi để vay tiền làm kinh tế gia đình.

Tuy nhiên, bà H2 xác định trong trường hợp Tòa án có giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà và ông T1 vẫn đồng ý để cho bà D được tiếp tục sử dụng phần đường xổ nước có diện tích 372,7m^2 và diện tích đất nền nhà 305,6m^2 nhưng không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho cho bất cứ ai.

Anh Phạm Tấn T3 trình bày: Anh T3 xác định anh là con ruột của bà D với ông Hồng, trong 02 phần đất tranh chấp đường xổ nước diện tích 372,7m^2 và diện tích đất nền nhà 305,6m^2 anh có xây dựng một căn nhà cơ bản vào năm 2000 hiện tại do vợ chồng anh đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Đối với căn nhà cơ bản có công sức đóng góp của anh vì trước khi xây dựng nhà là đất trũng, anh san lắp mặt bằng để xây dựng căn nhà cơ bản như hiện nay. Trong quá trình xây dựng cho đến nay, vợ chồng anh không có tu sửa gì thêm nhưng có xây dựng 01 cái chuồng nuôi heo giá trị không lớn. Mặc khác, anh T3 xác định khi cha anh là ông Hồng còn sống anh có nghe cha anh nói ông T1 có cho ông Hồng mượn đường xổ nước vì phần đất ông Hồng được cho và chuyển nhượng thêm nằm trên hậu đất của ông T1 không có đường xổ nước ra Sông lô 14.

Qua yêu cầu của bà Cao Thị Bích D anh không đồng ý, anh yêu cầu được tiếp tục sử dụng phất đất tranh chấp và thống nhất ý kiến của bà Tạ Thị H2 trình bày là trong trường hợp Tòa án có giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà H2 và ông T1 vẫn đồng ý để cho bà D được tiếp tục được sử dụng cả hai phần đất tranh chấp, nhưng không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho bất cứ ai. Đồng thời, trong trường hợp Tòa án xét xử có liên quan đến việc anh và chị T4 có xây dựng cái chuồng heo thì anh và chị T4 sẽ tự nguyện di dời, không yêu cầu ai phải có nghĩa vụ hỗ trợ chi phí di dời và không yêu cầu công sức đóng góp san lắp mặt bằng đối với đất và căn nhà cơ bản anh đang quản lý, sử dụng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2018, chị Lê Thanh T4 trình bày: Chị T4 thống nhất theo lời trình bày của anh T3.

- Tại văn bản ngày 15/10/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đầm Dơi có ý kiến: Bà Tạ Thị H2 có vay vốn tại Agribank chi nhánh huyện Đầm Dơi theo hợp đồng tín dụng số 201702879/HĐTD ngày 22/6/2017 được thừa kế tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn Thải đứng tên, số A 046095, do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 19/5/1990 diện tích 21,110m^2. Tính đến ngày 08/10/2018 bà H2 còn dư nợ tại chi nhánh số tiền là 80.613.699 đồng. Agribank Chi nhánh huyện Đầm Dơi xác định đối với hợp đồng tín dụng giữa Agribank và bà H2 còn hiệu lực, cho đến thời điểm này bà H2 thực hiện đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Agribank Chi nhánh huyện Đầm Dơi không khởi kiện, nếu sau

này có tranh chấp Agribank Chi nhánh huyện Đầm Dơi sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Bích D về việc yêu cầu công nhận đường xổ nước có diện tích là 372,7m^2 và một nền nhà có diện tích 305,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi theo đo đạc thực tế ngày 16/01/2017 thuộc quyền sử dụng của bà D, cụ thể:

- Đường xổ nước có tứ cận:
  + Hướng Đông M1M2 kích thước 1,5m
  + Hướng Tây M6M7 kích thước 2,2m
  + Hướng Nam M2M13M6 kích thước 226,3m
  + Hướng Bắc M7M12M1 kích thước 224,5m
- Đất nền nhà có tứ cận:
  + Hướng Đông M10M11 kích thước 10,8m
  + Hướng Tây M8M9 kích thước 17,8m
  + Hướng Nam M11M8 kích thước 30,3m
  + Hướng Bắc M9M10 kích thước 30,3m

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2018, bà Cao Thị Bích D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Cao Thị Bích D cho rằng phần đất làm cống xổ là do bà D đổi đất với ông T1, phần đất dùng để cất nhà là của cha mẹ chồng cho, bà D đã sử dụng mấy chục năm nay. Cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cho bà D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế đường xổ nước có diện tích là 372,7m^2 và một nền nhà có diện tích 305,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi. Bà D cho rằng đối với nền nhà do cha mẹ chồng cho, còn đường xổ nước là ông Hồng khi còn sống đổi với ông T1 khi chuyển dịch nuôi tôm năm 1994 nên yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng của bà D. Nhưng phía

bị đơn không đồng ý, vì cho rằng giữa ông T1, ông Hồng, bà D hoàn toàn không có việc đổi đất. Phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của ông T1, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng đất cho ông T1 năm 1990. Hiện nay quyền sử dụng đất ông T1 bà D đang thế chấp ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đầm Dơi.

[2] Qua xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện tổng diện tích đất bà D hiện tại đang sử dụng gồm có 01 phần đất do ông Phạm Thanh Hồng đứng tên quyền sử dụng diện tích 8.000m^2 thuộc thửa 188 diện tích 6.500m^2 và thửa 222 diện tích 1.500m^2; 01 phần đất bà D đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 319 diện tích 13.000m^2; 01 phần đất ông Phạm Hoàng Em đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 190 diện tích 6.500m^2. Như vậy, ngoài các phần đất trên ra thì ông Hồng, bà D không còn diện tích đất nào khác. Đối với ông T1 sau khi được cha mẹ cho đất trong quá trình sử dụng anh chị em ông T1 không có tranh chấp gì. Ông T1 cũng được Ủy ban nhân dân cấp quyền sử dụng gồm các thửa 198,191,203, 204 tổng diện tích 21.110m^2 từ năm 1997. Bà D xác định đất bà D ở sau hậu khi chuyển dịch sang nuôi tôm không có đường nước nên có đổi đất ông T1. Khi thực hiện việc đổi đất có làm giấy sang đổi đường kinh xổ, có sự chứng kiến của ông Phạm Văn Hoàng, ông Phạm Hoàng Em thể hiện tại giấy sang đổi đường kinh. Xét lời trình bày của bà D cũng như đánh giá giấy sang đổi đường kinh sổ nước thấy rằng giấy sang đổi ông T1, bà H2 hoàn toàn không có ký tên, không thể hiện diện tích, không thể hiện vị trí mà chỉ có người chứng kiến ký. Mặc khác, ông Hoàng Em xác định khi cha mẹ còn sống, ông Hoàng Em cũng như anh em khác được cha mẹ cho diện tích đất bằng nhau, quá trình sử dụng ông Hoàng Em có chuyển nhượng của bà Hoa, ông Tâm 10 công với giá 4,4 lượng vàng 24k, trong diện tích này ông Hoàng Em có cho ông Hồng mượn 05 công, nhưng trên thực tế vẫn sử dụng chung và cùng chia lợi nhuận, đến khi chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm do không có đường nước xổ nên ông Hoàng Em cùng ông Hồng thống nhất thỏa thuận chuyển nhượng của bà Vân 374,8m^2. Đối với diện tích đất này bà D sử dụng cho đến nay các bên không tranh chấp, sau đó ông Hoàng Em chuyển nhượng toàn bộ phần đất ông chuyển nhượng từ bà Hoa, ông Tâm lại cho bà D sử dụng và bà D đã được cấp quyền sử dụng diện tích 13.000m^2. Đối với đường xổ nước 372,7m^2 khi ông Hồng còn sống ông Hồng cùng với ông Hoàng Em có đặt vấn đề với ông T1 xin được chuyển nhượng phần kinh xổ để thuận tiện trong việc nuôi tôm nhưng không được ông T1 chấp nhận, mà ông T1 chỉ đồng ý cho mượn với điều kiện không được sang bán. Đối với diện tích đất 305,6m^2 hiện bà D đã cất nhà cơ bản, do cha mẹ cho chung các anh em chứ không phải cho riêng bất cứ ai . Xét thấy lời trình bày của ông Hoàng Em như trên là phù hợp với lời trình bày của ông Hoàng. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh T3 là con bà D, ông Hồng xác định khi ông Hồng còn sống anh T3 có nghe ông Hồng nói ông T1 có cho ông Hồng, bà D mượn đường xổ nước, vì phần đất của cha anh được cho nằm trên hậu đất của ông T1 không có đường xổ nước ra Sông lô 14.Từ những chứng cứ như trên cấp sơ thẩm không công nhận phần đất dùng làm đường xổ nước diện tích 372,7m^2 thuộc quyền sử dụng của bà D là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu cầu bà D về việc yêu cầu công nhận phần đất nền nhà có diện tích 305,6m^2 thuộc quyền sử dụng của bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bản trích sao hồ sơ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi thể hiện phần diện tích 305,6m^2 do bà D cất nhà ở nằm trong thửa 203 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng đất cho ông T1 với tổng diện tích 1.500m^2 . Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 vào năm 1990 nhưng phía bà D cũng như các anh em của ông T1 cũng không ai có ý kiến phản đối hay có tranh chấp gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 đối với phần đất này. Mặc khác quá trình giải quyết vụ án ông T1, bà H2 cũng đồng ý để bà D cùng các con bà D tiếp tục ở trên diện tích này cam kết không yêu cầu di dời trả lại đất. Từ đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu công nhận nền nhà có diện tích 305,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi thuộc quyền sử dụng của bà D là có cơ sở.

[4] Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị Bích D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm do bà D là người cao tuổi nên bà D được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị Bích D

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Bích D về việc yêu cầu công nhận đường xổ nước có diện tích là 372,7m^2 và một nền nhà có diện tích 305,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi theo đo đạc thực tế ngày 16/01/2017 thuộc quyền sử dụng của bà D, cụ thể:

- Đường xổ nước có tứ cận:

+ Hướng Đông M1M2 kích thước 1,5m

+ Hướng Tây M6M7 kích thước 2,2m

+ Hướng Nam M2M13M6 kích thước 226,3m

+ Hướng Bắc M7M12M1 kích thước 224,5m

- Đất nền nhà có tứ cận:

+ Hướng Đông M10M11 kích thước 10,8m

+ Hướng Tây M8M9 kích thước 17,8m

+ Hướng Nam M11M8 kích thước 30,3m

+ Hướng Bắc M9M10 kích thước 30,3m

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Về chi phí tố tụng: Bà Cao Thị Bích D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.500.000 đồng ,bà D đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: Bà Cao Thị Bích D được miễn. Bà D có dự nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 561.500 đồng theo biên lai số 0017914 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Về án phí phúc thẩm bà Cao Thị Bích D được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Lập - Huỳnh Văn Út **Phạm Việt Trung**